

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2024

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xoa.
2. Bà Nguyễn Thị Lụa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Thu T, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư ABC, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Ngõ XXX, phường Hồng Hà, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư ABC, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đinh Thị Thu T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 03-07-2003 tại UBND phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống tại khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tháng 7 năm 2019, chị đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Từ đó vợ chồng rất ít quan tâm nhau. Tình trạng liên lạc vì vấn đề liên quan đến con cái. Chị vẫn đều đặn gửi tiền về để anh C chăm lo cho các con. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không còn như trước, mỗi người có cuộc sống riêng không liên quan đến nhau. Tháng 4-2021 cháu Nguyễn Hữu T chết, chị không về nước. Ngày 20-10-2023 cháu Nguyễn Văn H chết, chị mới về nước để cùng anh C lo cho đám tang của cháu H. Tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt, thờ ơ với nhau vợ chồng không còn quan tâm nhau. Anh C chơi bời và có những mối quan hệ phức tạp. Cuối năm 2023 vợ chồng xảy ra tranh cãi, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng ly thân từ ngày 28-12-2023 cho đến nay. Anh C có sang đón chị về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị đề nghị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16-01-2004, Nguyễn Văn H, sinh ngày 07-05-2006, Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24-03-2014 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 29-10-2015. Cháu H và cháu T đã chết, cháu Nguyễn Văn Q đã trên 18 tuổi trưởng thành khỏe mạnh nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Cháu P đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay chị đang lao động tự do thu nhập khoảng từ 6.000.000- 7.000.000đồng/ tháng. Chị đang sống cùng bố mẹ tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Ông bà nhân rồi có nhiều thời gian để hỗ trợ chị chăm sóc con chung. Cháu P đang học tại trường tiểu học An Lưu, chị vẫn thường xuyên đưa đón con chung khi đi học và đảm bảo cháu phát triển bình thường, khỏe mạnh. Anh C đang đi làm xa, bố mẹ đẻ của anh đã già yếu nên sẽ gặp khó khăn trong việc nuôi dưỡng cháu P. Chị xác định bản thân đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung vì vậy đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Biên bản xác minh với trưởng khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn: Anh Nguyễn Văn C và chị Đinh Thị Thu T kết hôn tự nguyện sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh C là ông Nguyễn Văn Bính và bà Lê Thị Lợi tại khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 chị T sang Đài Loan làm ăn kinh tế. Cuối năm 2023 chị T về nước và chung sống cùng anh C. Vợ chồng chung sống được một khoảng thời gian chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương để sinh sống. Từ đó vợ chồng chị T ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Vợ chồng chị T có 04 con chung hai cháu đã

chết, một cháu đang đi nghĩa vụ quân sự còn cháu bé đang ở cùng chị T. Nay chị T xin ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

Biên bản xác minh với trưởng công an phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương: Theo thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thể hiện anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Địa phương biết được anh C hiện đang đi làm ăn xa và không thường xuyên có mặt tại nhà.

Biên ghi lời khai của ông Đinh Hồng X và bà Lê Thị H (bố mẹ đẻ chị Đinh Thị Thu T): Chị Đinh Thị Thu T và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị cùng chung sống hạnh phúc tại khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Năm 2019 do tình hình kinh tế khó khăn nên chị T sang Đài Loan để làm ăn. Từ đó vợ chồng ít quan tâm đến nhau, thỉnh thoảng chỉ liên hệ về các vấn đề liên quan đến con chung. Chị T thường xuyên gửi tiền về để anh C chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Khi con chung của vợ chồng chết, chị T mới về nước. Sau khi lo đám ma xong chị T bỏ về nhà vợ chồng ông bà tại thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành để sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị T ông bà không biết được. Từ khi chị T về chung sống cùng ông bà anh C không sang thăm hay động viên chị quay về. Ông bà đã nhiều lần động viên vợ chồng anh chị về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T xin ly hôn với anh C, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị T có 04 con chung, cháu H và cháu T đã chết, cháu Q đang đi nghĩa vụ quân sự, cháu P đang ở cùng chị T và ông bà. Nay chị T đề nghị được nuôi dưỡng con chung, ông bà đồng ý sẽ hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P.

Biên ghi lời khai của ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị L (bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn C): Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị cùng chung sống với ông bà tại khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng anh C chung sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn. Đầu năm 2019 chị T sang Đài Loan làm ăn kinh tế cho đến cuối năm 2023 chị về nước. Sau khi về nước, chị T chung sống cùng anh C được 01 tháng sau đó chuyển về ở với bố mẹ đẻ tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chị T ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể ông bà không biết. Vợ chồng ông bà đã nhiều lần khuyên giải mong muốn anh chị quay về cùng nhau chung sống và nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên anh chị không quay về đoàn tụ. Hiện anh C đang đi làm thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Vợ chồng chị T có 04 con chung. Hiện 02 cháu đã chết, 01 cháu đang đi nghĩa vụ quân sự, còn cháu P đang ở cùng chị T. Nay chị T đề nghị giải quyết ly hôn, đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông bà đề nghị tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu và theo quy định của pháp luật. Ông bà đã nhận được đầy đủ tài liệu tố tụng do tòa án tổng đạt cho anh C. Ông bà đã có trách nhiệm thông báo, chụp ảnh gửi cho anh C,

anh C có ý kiến bạn đi làm không về giải quyết, anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng đơn phương của chị T

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24-03-2014 cho chị Đinh Thị Thu T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Đinh Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đinh Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư Phúc Lâm, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị Thu T và bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được tòa án triệu tập hợp lệ, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh C đã được triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thu T và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là

hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do chị T đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan vợ chồng rất ít quan tâm nhau. Sau khi con chung chết, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, không còn tình cảm với nhau. Anh C mãi chơi và có nhiều mối quan hệ phức tạp. **Hiện tại** anh chị đã **sống** ly thân từ cuối năm 2023 vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng. Như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng chị T, anh C vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16-01-2004, Nguyễn Văn H, sinh ngày 07-05-2006, Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24-03-2014 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 29-10-2015. Cháu H và cháu T đã chết. Cháu Nguyễn Văn Q đã trên 18 tuổi nên chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét. Từ khi vợ chồng anh chị ly thân cháu P vẫn do chị T nuôi dưỡng. Theo xác minh chị T hiện đang chung sống cùng bố mẹ đẻ tại Kim Thành, Hải Dương, lao động tự do, thu nhập ổn định nên có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bố mẹ đẻ chị T nhàn rỗi có thêm thời gian hỗ trợ chị chăm sóc con chung giúp chị. Cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24-03-2014 hiện đang ở với chị T, cháu phát triển ổn định, khỏe mạnh. Anh C đang đi làm xa nhà, bố mẹ đẻ của anh đã già yếu nên sẽ gặp khó khăn trong việc nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy chị T có đủ điều kiện về thời gian, điều kiện về vật chất đảm bảo sự phát triển lâu dài cho cháu P nên giao con cho chị T là phù hợp, việc giao con cho anh C không đảm bảo được quyền lợi cho con chung. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T giao cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24-03-2014 kể từ tháng 04-2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Chị T và anh C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đinh Thị Thu T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 24-03-2014 cho chị Đinh Thị Thu T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Anh Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp là 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số BLTU/23/0002298 ngày 02-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị Đinh Thị Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Thu T, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường An Lưu .
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu Hằng